

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI  
TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2024/TTT

Tây Ninh, ngày 22 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Du lịch – Thương mại Tây Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC): BCTC riêng giữa niên độ và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TTT
- Địa chỉ: 1253 đường Cách mạng tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0276.3822376
- Email: [tanitour.tayninh@gmail.com](mailto:tanitour.tayninh@gmail.com) Website: <https://tanitour.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng giữa niên độ và BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét)  
 BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét) (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (Đã được soát xét) (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 22/08/2024 tại đường dẫn: <https://tanitour.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCT riêng giữa niên độ
- BCTC hợp nhất giữa niên độ
- Văn bản giải trình BCTC riêng giữa niên độ số 302/DLTM
- Văn bản giải trình BCTC riêng giữa niên độ số 303/DLTM



**Phan Thanh Trung**



V/v Báo cáo giải trình lợi nhuận hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2024  
Giảm so với lợi nhuận hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2023

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo quy định tại Chương III, Điều 14 khoản 2,3,4 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2024 của Công ty Cổ Phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh,

Nay Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh xin báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế 6<sup>th</sup> đầu năm 2024 giảm so với chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế 6<sup>th</sup> đầu năm 2023, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	6th 2024	6th 2023	Tăng(+)/ giảm (-)	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Tổng doanh thu	95.582.431.295	116.856.092.110	(21.273.660.815)	-18,21
2	Tổng chi phí	66.618.587.380	73.545.723.733	(6.927.136.353)	-9,42
3	Lợi nhuận trước thuế	28.963.843.915	43.310.368.377	(14.346.524.462)	-33,12
4	Lợi nhuận sau thuế	23.125.289.797	34.310.368.377	(11.185.078.580)	-32,60

Qua bảng số liệu tổng hợp trên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2024 là: 23.125.289.797 đồng giảm 32,60 % so với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2023, tương ứng số tiền là: (11.185.078.580) đồng, nguyên nhân do: tổng doanh thu hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2024 giảm 18,21% so với tổng doanh thu hợp nhất 6<sup>th</sup> đầu năm 2023, tương đương giảm (21,273,660,815) đồng.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế 6<sup>th</sup> đầu năm 2024 giảm so với chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế 6<sup>th</sup> đầu năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDC KHN;
- Lưu.



Trần Thị Hiền

**Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Đã được soát xét)





**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	09-24

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và đăng ký sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên/Tổng Giám đốc
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH-Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024





Số: 200824.003/BCTC.FIS2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được lập ngày 20 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán AASC



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>469.316.565.954</b>	<b>460.647.631.253</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>13.251.240.165</b>	<b>8.957.289.062</b>
111	1. Tiền		4.251.240.165	1.832.289.062
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	7.125.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>34.345.000.000</b>	<b>31.870.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	34.345.000.000	31.870.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>406.347.838.580</b>	<b>410.645.833.033</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	24.905.528.035	25.038.904.443
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		447.398.326	71.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	362.052.328.771	359.052.328.771
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.942.583.448	26.483.599.819
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>12.395.781.833</b>	<b>8.207.656.810</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	12.395.781.833	8.207.656.810
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.976.705.376</b>	<b>966.852.348</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.614.366.744	59.219.914
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		362.338.632	907.632.434
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>20.050.963.856</b>	<b>21.657.438.004</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>16.210.254.268</b>	<b>18.285.954.396</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.210.254.268	18.285.954.396
222	- Nguyên giá		317.897.042.487	319.483.249.605
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(301.686.788.219)	(301.197.295.209)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>1.444.981.901</b>	<b>1.587.111.268</b>
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.801.539.092)	(2.659.409.725)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.395.727.687</b>	<b>1.784.372.340</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.395.727.687	1.784.372.340
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>489.367.529.810</b>	<b>482.305.069.257</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.789.907.686</b>	<b>50.828.067.974</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.689.907.686</b>	<b>50.728.067.974</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.644.198.660	29.999.172.662
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	8.140.065.350	8.650.243.806
314	3. Phải trả người lao động		4.194.907.077	6.837.096.169
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		750.836.418	2.195.695.587
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.048.045.463	15.863.638
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.658.173.876	2.766.315.270
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		253.680.842	263.680.842
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	100.000.000	100.000.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>454.577.622.124</b>	<b>431.477.001.283</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>454.401.737.762</b>	<b>431.276.447.965</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		48.915.600.000	48.915.600.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		50.761.702.190	50.761.702.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		141.406.117.197	123.600.595.080
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		123.600.595.080	99.130.087.505
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		17.805.522.117	24.470.507.575
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		167.616.218.375	162.296.450.695
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>175.884.362</b>	<b>200.553.318</b>
431	1. Nguồn kinh phí		177.197	177.197
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		175.707.165	200.376.121
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>489.367.529.810</b>	<b>482.305.069.257</b>

  
Bùi Thị Hồng Nhung  
Người lập

  
Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc



Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	17	<b>79.957.620.879</b>	<b>98.851.492.074</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		696.766.760	1.229.040.679
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>79.260.854.119</b>	<b>97.622.451.395</b>
11	<b>4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	18	<b>58.589.219.959</b>	<b>62.209.283.531</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>20.671.634.160</b>	<b>35.413.167.864</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	13.181.276.309	15.814.623.152
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	1.885.988.087	4.754.861.774
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.200.852.658	5.198.733.137
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>26.766.069.724</b>	<b>41.274.196.105</b>
31	11. Thu nhập khác	22	3.140.300.867	3.419.017.563
32	12. Chi phí khác	23	942.526.676	1.382.845.291
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>2.197.774.191</b>	<b>2.036.172.272</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>28.963.843.915</b>	<b>43.310.368.377</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	5.838.554.118	8.710.415.051
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(3.701.376)
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>23.125.289.797</b>	<b>34.603.654.702</b>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		17.805.522.117	24.890.189.753
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.319.767.680	9.713.464.949
70	<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	25	<b>3.896</b>	<b>5.446</b>

Bùi Thị Hồng Nhung  
Người lập

Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Lợi nhuận trước thuế		28.963.843.915	43.310.368.377
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		2.193.160.539	2.704.744.648
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(13.181.276.309)	(13.181.276.309)	(15.814.623.152)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.975.728.145	30.200.489.873
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu		304.271.884	(17.992.823.262)
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	(4.188.125.023)	(4.188.125.023)	2.492.118.937
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	(13.089.695.985)	(13.089.695.985)	2.806.798.088
12	(Tăng) chi phí trả trước	(3.166.502.177)	(3.166.502.177)	(2.989.029.832)
15	Thuế TNDN đã nộp	(8.477.010.021)	(8.477.010.021)	(8.485.569.728)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(10.000.000)	(10.000.000)	(1.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.651.333.177)	(10.651.333.177)	6.030.984.076
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(300.008.400)	(368.330.909)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(129.345.000.000)	(129.345.000.000)	(44.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		123.870.000.000	37.965.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.720.292.680	2.748.232.855
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		14.945.284.280	(4.155.098.054)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(112.470.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		-	(112.470.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.293.951.103	1.763.416.022
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.957.289.062	12.669.545.050
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		13.251.240.165	14.432.961.072

Bùi Thị Hồng Nhung  
Người lập

Trần Thị Phương  
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và đăng ký sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: TTT. Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 91 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 93 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Trong kỳ, hoạt động của Công ty không thay đổi so cùng kỳ năm 2023. Công ty mẹ tiếp tục tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận do số lượng du khách tăng đáng kể kéo theo tăng trưởng về nhu cầu đối với hàng hóa dịch vụ của Công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế của Công ty giảm chủ yếu do dịch vụ cáp treo của công ty con sụt giảm. Nguyên nhân sụt giảm là do có thêm sự cạnh tranh từ công ty cáp treo khác trên địa bàn.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND) và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").



## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.5 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## 2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 09 năm
▶ TSCĐ Khác	04 - 09 năm
▶ Phần mềm kế toán, bản vé điện tử	03 năm



## 2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- ▶ Nhà cửa, vật kiến trúc 15 năm

## 2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác, chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 tháng đến 36 tháng.

## 2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### *Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

## 2.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## 2.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.23 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bán kèm hàng hóa và chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.369.972.093	839.669.844
Tiền gửi ngân hàng	2.881.268.072	992.619.218
Tương đương tiền (*)	9.000.000.000	7.125.000.000
	<b>13.251.240.165</b>	<b>8.957.289.062</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 1,6%/năm - 3,2%/năm.

## 4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	23.823.340.511	24.061.719.158
Khác	1.082.187.524	977.185.285
	<b>24.905.528.035</b>	<b>25.038.904.443</b>
<b>Trong đó, bên liên quan</b> (Thuyết minh số 28)	<b>23.823.340.511</b>	<b>24.061.719.158</b>



**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 30/06/2024, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,2%/năm - 4,7%/năm.

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cho vay các tổ chức	362.052.328.771	359.052.328.771
	<b>362.052.328.771</b>	<b>359.052.328.771</b>

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn và lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ và phụ lục điều chỉnh.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	18.914.583.448	26.453.599.819
Khác	28.000.000	30.000.000
	<b>18.942.583.448</b>	<b>26.483.599.819</b>

**8. Hàng tồn kho**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	4.872.495.674	3.556.468.188
Công cụ, dụng cụ	7.102.017.409	4.356.669.503
Hàng hóa	421.268.750	294.519.119
	<b>12.395.781.833</b>	<b>8.207.656.810</b>

**9. Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê đất, tài sản	2.459.199.711	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	41.211.111	46.291.667
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.170.833	9.614.583
Khác	107.785.089	3.313.664
	<b>2.614.366.744</b>	<b>59.219.914</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.642.594.701	793.545.361
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	66.342.220	118.591.896
Khác	686.790.766	872.235.083
	<b>2.395.727.687</b>	<b>1.784.372.340</b>



**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2024	76.197.386.682	209.942.659.872	16.223.954.572	14.929.573.637	2.189.674.842	319.483.249.605
Giảm khác	(180.757.318)	-	-	(1.405.449.800)	-	(1.586.207.118)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>76.016.629.364</b>	<b>209.942.659.872</b>	<b>16.223.954.572</b>	<b>13.524.123.837</b>	<b>2.189.674.842</b>	<b>317.897.042.487</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2024	63.798.465.830	209.330.103.954	12.187.596.625	13.702.748.050	2.178.380.750	301.197.295.209
Khấu hao trong kỳ	847.555.966	126.492.175	475.872.506	601.110.525	-	2.051.031.172
Khấu hao tài sản nguồn ngân sách	-	13.238.833	9.376.652	-	2.053.471	24.668.956
Giảm khác	(180.757.318)	-	-	(1.405.449.800)	-	(1.586.207.118)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>64.465.264.478</b>	<b>209.469.834.962</b>	<b>12.672.845.783</b>	<b>12.898.408.775</b>	<b>2.180.434.221</b>	<b>301.686.788.219</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2024	12.398.920.852	612.555.918	4.036.357.947	1.226.825.587	11.294.092	18.285.954.396
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>11.551.364.886</b>	<b>472.824.910</b>	<b>3.551.108.789</b>	<b>625.715.062</b>	<b>9.240.621</b>	<b>16.210.254.268</b>

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 282.647.465.700 VND.
- ▶ TSCĐ của Công ty bao gồm các tài sản mua từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2024 lần lượt là 396.731.998 VND và 221.024.833 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 30/06/2024 là 175.707.165 VND được ghi nhận vào Mã số 432 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**11. Bất động sản đầu tư**

Tại thời điểm 30/06/2024, bất động sản đầu tư là nhà văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Hòn Thơm	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	2.997.425.520	2.997.425.520	2.698.999.620	2.698.999.620
Doppelmayr Seilbahnen Gmbh	1.899.042.056	1.899.042.056	-	-
Công ty TNHH Tập đoàn Sun World	299.506.000	299.506.000	2.299.506.000	2.299.506.000
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Phương Nam	-	-	6.346.274.749	6.346.274.749
Khác	5.960.125.084	5.960.125.084	12.166.292.293	12.166.292.293
	<b>17.644.198.660</b>	<b>17.644.198.660</b>	<b>29.999.172.662</b>	<b>29.999.172.662</b>
<b>Trong đó, phải trả bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 28)</i>	<b>1.514.343.708</b>	<b>1.514.343.708</b>	<b>25.658.280</b>	<b>25.658.280</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Trong kỳ		30/06/2024
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	115.136.617	2.167.430.696	2.029.036.760	253.530.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.477.010.021	5.838.554.118	8.477.010.021	5.838.554.118
Thuế thu nhập cá nhân	18.574.646	487.458.404	449.268.847	56.764.203
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.918.399.422	1.984.875.446	1.933.523.976
Các loại thuế, phí khác	39.522.522	404.271.109	386.101.131	57.692.500
	<b>8.650.243.806</b>	<b>12.816.113.749</b>	<b>13.326.292.205</b>	<b>8.140.065.350</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**14. Phải trả khác**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Thu - chi hộ Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen về phí lệ phí (*)	2.292.873.899	2.458.194.093
Cổ tức phải trả	124.773.000	124.773.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	240.526.977	183.348.177
	<b>2.658.173.876</b>	<b>2.766.315.270</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

(\*) Theo hợp đồng thu chi hộ phí tham quan di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Đen ngày 28/12/2022 giữa Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen và Công ty.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>108.270.507.505</b>	<b>156.439.098.587</b>	<b>410.089.008.282</b>
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	24.890.189.753	9.713.464.949	34.603.654.702
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>133.160.697.258</b>	<b>166.152.563.536</b>	<b>444.692.662.984</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>123.600.595.080</b>	<b>162.296.450.695</b>	<b>431.276.447.965</b>
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	17.805.522.117	5.319.767.680	23.125.289.797
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>141.406.117.197</b>	<b>167.616.218.375</b>	<b>454.401.737.762</b>



**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2024	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2024	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Địa Cầu	11.197.010.000	24,50	11.197.010.000	24,50
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00	10.968.500.000	24,00
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00	10.968.500.000	24,00
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50	12.568.090.000	27,50
	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
Cổ tức tại Công ty mẹ:		
- Cổ tức phải trả đầu kỳ	124.773.000	235.093.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	-	112.470.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	-	112.470.000
- Cổ tức phải trả cuối kỳ	124.773.000	122.623.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**16. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

Tại Công ty mẹ:

- ▶ Công ty ký 01 (một) hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- ▶ Ngoài ra, Công ty còn có hợp đồng thuê tài sản số 011/2024/HDTTS/STN-TTT ngày 01/01/2024 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê đến 31/12/2024.

Tại Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (công ty con):

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009;
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/5/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại ấp Long Phước, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại ấp Thạch Trung, xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	23.616.407.502	38.510.039.093
Hoạt động bán hàng hóa	23.531.383.329	25.487.929.206
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	22.845.068.132	24.757.356.482
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	6.921.375.925	6.412.368.181
Khác	3.043.385.991	3.683.799.112
	<b>79.957.620.879</b>	<b>98.851.492.074</b>
<b>Trong đó, doanh thu với bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 28)</i>	<b>24.209.481.035</b>	<b>25.951.156.033</b>

#### 18. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	14.718.456.768	17.395.763.676
Hoạt động bán hàng hóa	20.738.910.652	21.806.069.063
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	17.239.373.361	17.142.923.039
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	5.396.544.070	5.045.120.922
Khác	495.935.108	819.406.831
	<b>58.589.219.959</b>	<b>62.209.283.531</b>

#### 19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.181.276.309	15.814.623.152
	<b>13.181.276.309</b>	<b>15.814.623.152</b>



**20. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	492.958.774	635.193.439
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.030.765	206.030.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.112.570.433	3.842.761.325
Chi phí khác	74.428.115	70.876.245
	<b>1.885.988.087</b>	<b>4.754.861.774</b>

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.896.868.292	4.055.579.573
Chi phí khấu hao TSCĐ	171.576.879	219.818.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	788.084.019	709.462.490
Chi phí khác	344.323.468	213.872.508
	<b>5.200.852.658</b>	<b>5.198.733.137</b>

**22. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chiết khấu bia, nước giải khát và hỗ trợ trưng bày sản phẩm từ nhà cung cấp	3.095.484.200	2.984.540.000
Khác	44.816.667	434.477.563
	<b>3.140.300.867</b>	<b>3.419.017.563</b>

**23. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hỗ trợ trưng bày sản phẩm	888.600.000	973.935.000
Khác	53.926.676	408.910.291
	<b>942.526.676</b>	<b>1.382.845.291</b>

**24. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.091.068.633	3.722.607.403
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con - Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	2.747.485.485 2.747.485.485	4.987.807.648 4.987.807.648
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.838.554.118</b>	<b>8.710.415.051</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	8.477.010.021	8.485.569.728
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(8.477.010.021)	(8.485.569.728)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>5.838.554.118</b>	<b>8.710.415.051</b>

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.805.522.117	24.890.189.753
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	17.805.522.117	24.890.189.753
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.570.210	4.570.210
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.896</b>	<b>5.446</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	12.020.281.615	12.810.451.731
Chi phí nhân công	20.242.405.032	19.441.410.185
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.193.160.539	2.704.744.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.984.895.342	10.797.944.182
Chi phí khác bằng tiền	2.496.407.524	4.602.258.633
<b>44.937.150.052</b>	<b>50.356.809.379</b>	

**27. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



## 28. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	24.209.481.035	25.951.156.033
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	3.402.532.633	3.199.072.727

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	23.823.340.511	24.061.719.158
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	1.514.343.708	25.658.280

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	268.272.000	268.272.000
Ông Trịnh Văn Hà	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Hiền	288.000.000	288.000.000
Ông Võ Trần Chí Thịnh	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Huy Cường	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Thanh Trung	24.000.000	24.000.000
Các thành viên Ban Kiểm soát	213.600.000	213.600.000
	<b>889.872.000</b>	<b>889.872.000</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

## 29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**30. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 20 tháng 08 năm 2024.



**Bùi Thị Hồng Nhung**  
Người lập



**Trần Thị Phượng**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

